

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3406/QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng
Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 29/7/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính, hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc thành lập Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Long An;

Xét Tờ trình số 3135/TTr-STC ngày 02/10/2014 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Phòng NC: VX+KT;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

Long An, ngày 15 tháng 10 năm 2014

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Long An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 15/10/2014
của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Long An.

Điều 2. Cơ chế điều hành Quỹ

1. Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Long An (sau đây gọi tắt là Quỹ) do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập:

- Giám đốc Sở Tài chính làm Chủ tài khoản Quỹ, điều hành Quỹ theo quy định hiện hành; Quỹ được ủy thác và đặt tại Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Long An, để cho vay hỗ trợ các dự án nhỏ nhằm tạo thêm việc làm;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chương trình việc làm và Quỹ cho vay giải quyết việc làm;

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Long An thực hiện cho vay vốn và quản lý thu hồi nợ theo quy định hiện hành.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng với quy định của pháp luật.

**Chương II
QUY ĐỊNH CHO VAY VỐN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG
QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**

Điều 3. Đối tượng được vay vốn

1. Hộ kinh doanh cá thể; Tổ hợp sản xuất; Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Chủ trang trại; Trung tâm Giáo dục Lao động - Xã hội (nay là Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động - Xã hội) (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

2. Hộ gia đình.

Điều 4. Điều kiện được vay vốn

1. Đối với các đối tượng được nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này:

a) Phải có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định.

b) Dự án phải có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan thực hiện chương trình địa phương nơi thực hiện dự án.

c) Đối với dự án có mức vay trên 20 triệu đồng phải có tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định hiện hành hoặc bảo đảm tiền vay theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các đối tượng được nêu tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này:

a) Phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới.

b) Dự án phải có xác nhận của chính quyền hoặc cơ quan thực hiện chương trình địa phương nơi thực hiện dự án.

Điều 5. Vốn vay được sử dụng vào các việc sau

1. Mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị mở rộng nhà xưởng; phương tiện vận tải, phương tiện đánh bắt thủy hải sản nhằm mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh.

2. Mua sắm nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.

Điều 6. Mức vốn, thời hạn và lãi suất vay

1. Mức vốn vay

a) Đối với các đối tượng được nêu tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này: mức vay tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án và không quá 20 triệu đồng/1 việc làm mới.

b) Đối với các đối tượng được nêu tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này: mức vay tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình.

2. Thời hạn vay vốn

a) Thời hạn tối đa 12 tháng áp dụng đối với:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Trồng cây lương thực, hoa màu có thời gian sinh trưởng dưới 12 tháng.

- Dịch vụ kinh doanh nhỏ.

b) Thời hạn trên 12 tháng đến 24 tháng áp dụng đối với:

- Trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa màu có thời gian sinh trưởng trên 12 tháng.

- Nuôi thủy, hải sản, con đặc sản.

- Chăn nuôi gia súc sinh sản, đại gia súc lấy thịt.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến (nông, lâm, thổ, hải sản).

c) Thời hạn trên 24 tháng đến 36 tháng áp dụng đối với:

- Chăn nuôi đại gia súc sinh sản, lấy sữa, lấy lông, lấy sừng.

- Đầu tư mua thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải thủy bộ loại vừa và nhỏ, ngư cụ nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản.

- Chăm sóc cải tạo vườn cây ăn trái, cây công nghiệp.

d) Thời hạn trên 36 tháng đến 60 tháng áp dụng đối với:

Trồng mới cây ăn quả, cây nguyên liệu, cây công nghiệp dài ngày.

3. Lãi suất cho vay

Đối với đối tượng vay vốn quy định tại Điều 3 của Quy chế này: thực hiện theo quy định hiện hành về lãi suất cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Riêng đối với đối tượng là cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật, mức lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay ưu đãi đối với các đối tượng chính sách khác theo Quyết định số 51/2008/QĐ-TTg ngày 24/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật.

Điều 7. Xây dựng dự án, thẩm định dự án và quyết định phê duyệt dự án

1. Xây dựng dự án

Các đối tượng vay vốn quy định tại Điều 3, khi có nhu cầu vay vốn phải xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương.

2. Thẩm định dự án

Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định bảo đảm các chỉ tiêu về tạo việc làm mới và bảo tồn vốn, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án

Về phân cấp thẩm định phê duyệt dự án thực hiện theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 của UBND tỉnh Long An về việc phân cấp Chủ tịch UBND huyện, thị xã quản lý, thẩm định và phê duyệt Dự án vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm (nay là UBND huyện, thị xã, thành phố).

Điều 8. Về xử lý rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng

Đối tượng được xem xét xử lý nợ rủi ro; nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng; biện pháp xử lý; hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro áp dụng theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Cơ chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Cơ chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro (được trích từ việc phân phối 30% của số tiền lãi thực thu được từ cho vay của Quỹ).

Điều 9. Việc phân phối và sử dụng số tiền lãi thực thu được từ cho vay Quỹ

Định kỳ 6 tháng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp báo cáo tiền lãi thực thu được cho Sở Tài chính và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. Số tiền lãi thực thu được phân phối và sử dụng như sau:

1. Trích 50% để chi trả phí ủy thác cho hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện công tác hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, tổ chức thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn, xử lý nợ, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện cho vay. Việc sử dụng phí ủy thác theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trích 20% để chi cho công tác lập kế hoạch cho vay và kế hoạch giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn của Quỹ; tổng hợp, báo cáo kết quả cho vay của cơ quan lao động cấp huyện, cấp tỉnh. Căn cứ báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và kết quả thu lãi; kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm; kế hoạch kiểm tra, giám sát; sau khi thống nhất với Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội quyết định phân phối cho các đơn vị và báo cáo UBND tỉnh. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 mục II Thông tư số 73/2008/TT-BTC. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chuyển số tiền 20% lãi thu được vào tài khoản của Sở Tài chính mở tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; Sở Tài chính lập thủ tục chuyển tiền cho các đơn vị theo quyết định phân phối của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để thực hiện.

3. Trích 30% lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp các khoản vốn vay từ Quỹ giải quyết việc làm tỉnh bị tổn thất do nguyên nhân bất khả kháng được UBND tỉnh quyết định xóa nợ và để bổ sung nguồn vốn cho Quỹ theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh trên cơ sở đề nghị của Sở Lao động Thương binh-Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Sở Tài chính.

Trường hợp 30% lập Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này thì Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Sở Tài chính xem xét, đề xuất UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Tổ chức chuyển vốn và giải ngân

1. Hàng năm căn cứ dự toán nguồn vốn được bổ sung cho Quỹ và đề nghị chuyển vốn của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính làm thủ tục cấp vốn cho Quỹ theo quy định hiện hành. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chuyển vốn về cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để tổ chức giải ngân kịp thời theo dự án đã được duyệt.

2. Đối với các dự án đã được phê duyệt cho vay nhưng không giải ngân được, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện phải báo cáo rõ lý do và hướng xử lý với cơ quan ra quyết định phê duyệt dự án xem xét, giải quyết.

Điều 11. Thu hồi và sử dụng vốn thu hồi

1. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện xây dựng kế hoạch thu nợ, tiến hành thu hồi nợ cả vốn gốc và lãi khi đến hạn; người vay có thể trả vốn trước hạn. Trong quá trình cho vay, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện kiểm tra nếu phát hiện người vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì báo cáo với cơ quan phê duyệt dự án ra quyết định thu hồi nợ trước thời hạn.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh sử dụng vốn thu hồi để cho vay các dự án đã được phê duyệt, không để vốn tồn đọng.

3. Gia hạn nợ: Đối với các dự án đến hạn trả nợ, nhưng do nguyên nhân khách quan gặp khó khăn về tài chính nên dẫn đến người vay chưa có khả năng trả nợ và có nhu cầu gia hạn, phải làm đơn giải trình rõ nguyên nhân và biện pháp khắc phục gửi đến Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện nơi cho vay để xem xét, giải quyết. Căn cứ đơn xin gia hạn nợ, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện kiểm tra, xem xét, giải quyết gia hạn nợ. Sau khi gia hạn nợ, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan thực hiện chương trình cùng cấp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 12. Xử lý nợ quá hạn

1. Nợ quá hạn không phải do các nguyên nhân bất khả kháng và không thuộc đối tượng được giải quyết cho gia hạn nợ, người vay vốn phải có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi về Ngân hàng Chính sách xã hội. Đến hạn cuối cùng, người vay không làm thủ tục đề nghị và không được cho gia hạn nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc đôn đốc và phối hợp với các cơ quan liên quan thu hết nợ. Trường hợp khó khăn trong việc thu hồi, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để có biện pháp thu hồi tích cực hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo luật định.

2. Đối với các dự án bị rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng được thực hiện theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Kinh phí quản lý Quỹ

1. Kinh phí quản lý Quỹ cho vay giải quyết việc làm của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp được bố trí trong dự toán chi quản lý hành chính hàng năm của các cơ quan theo phân cấp ngân sách hiện hành, cụ thể:

Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ nhiệm vụ được giao quản lý hoạt động cho vay giải quyết việc làm, lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm trong dự toán chi quản lý hành chính hàng năm gửi cơ quan Tài chính đồng cấp để làm cơ sở bố trí kinh phí.

2. Các cơ quan, tổ chức (bao gồm cả UBND xã, phường, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội,...) phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn và xử lý nợ được Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả phí dịch vụ cho tổ chức thực hiện uỷ thác cho vay đến các đối tượng chính sách và chi trả thù lao cho cán bộ xã, phường theo quy định hiện hành về hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài

chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Kinh phí quản lý Quỹ được sử dụng cho các nội dung sau:

- Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết hoạt động cho vay giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới, các hoạt động cho vay vốn và tổng hợp, báo cáo kết quả cho vay. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An.

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý Quỹ.

- Chi khảo sát, điều tra về cho vay giải quyết việc làm; hỗ trợ nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chính sách, soạn thảo và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện về cho vay giải quyết việc làm. Nội dung và mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi khen thưởng cho đơn vị, cá nhân (kể cả chủ dự án) có nhiều thành tích trong công tác quản lý cho vay giải quyết việc làm. Mức chi tối đa đối với đơn vị là 400.000 đồng/năm, cá nhân là 200.000 đồng/năm.

- Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác cho vay giải quyết việc làm như:

+ Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, tuyên truyền: mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

+ Làm ngoài giờ, chi khác: mức chi theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Việc lập dự toán, quyết toán và mức chi cho các nội dung nêu trên thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương III CƠ CHẾ ỦY THÁC

Điều 14. Ký kết hợp đồng ủy thác

1. Giám đốc Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác cho vay từ nguồn vốn của Quỹ với Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để ủy thác cho vay.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có các quyền lợi và nghĩa vụ đối với nguồn vốn của Quỹ được ủy thác theo Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Quản lý Quỹ

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

a) Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ giải quyết việc làm

đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán bổ sung vốn cho Quỹ cùng với thời gian lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước tại đơn vị.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan phúc tra các dự án bị rủi ro theo quy định để trình UBND tỉnh quyết định.

c) Kiểm tra đánh giá kết quả cho vay của Quỹ.

d) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét việc thu hồi vốn và sử dụng nguồn vốn.

e. Tổng hợp kết quả cho vay các dự án do địa phương quản lý, gửi báo cáo định kỳ quý, năm đến UBND tỉnh và Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng cân đối ngân sách báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung vốn cho Quỹ.

b) Mở tài khoản riêng theo dõi Quỹ dự phòng rủi ro tỉnh.

c) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng, điều hành Quỹ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình và kết quả cho vay vốn từ Quỹ.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Chỉ đạo Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn người vay vốn xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn; thẩm định các dự án vay vốn được phân cấp trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm chính về tính khả thi của dự án, chỉ tiêu tạo việc làm mới, phương án trả nợ vay của khách hàng, thực hiện giải ngân dự án, thu hồi nợ và xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

c) Định kỳ quý, năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả cho vay, lãi cho vay, thu nợ từ nguồn vốn của Quỹ.

d) Thực hiện việc chuyển lãi cho vay của Quỹ theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

5. Chủ tịch UBND cấp huyện: Thực hiện phê duyệt các dự án vay vốn theo thẩm quyền được phân cấp, đồng thời chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của dự án vay vốn. Chỉ đạo các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan: Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định, giải ngân, thu hồi vốn và xử lý nợ được Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả phí dịch vụ cho tổ chức thực hiện ủy thác cho vay đến các đối tượng chính sách và

chi trả thù lao cho cán bộ xã phường, thị trấn theo quy định hiện hành. Hàng năm các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải tổng hợp phí dịch vụ và chi thù lao lập báo cáo quyết toán cùng với nguồn kinh phí được sử dụng tại cơ quan, đơn vị, tổ chức gửi cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định. Kết thúc năm, nếu chưa sử dụng hết khoản kinh phí này thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm